

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê N Hưng;

2. Ông Lê Dũng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tổ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông tH1 vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST - HNGĐ ngày 20/3/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐST - HNGĐ ngày 02/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã TQ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh H vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn B, xã TQ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Chị H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020, bản tự khai ngày 20/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/01/2015. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, từ tháng 6 năm 2019 vợ chồng đã ly thân; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T sinh ngày 14/11/2015, cháu Nguyễn Mai N sinh ngày 22/02/2018, cháu N đang ở với anh H, cháu T đang ở với chị H1; Ly hôn anh H đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Mai N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh T cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị H1 nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng chị H1 không đến nên không có bản khai, không có ý kiến của chị H1.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H1 đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng chị H1 không đến để tham gia phiên hòa giải, chị H1 đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Hữu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H và chị H1.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu H và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình như ý kiến anh H khai; Chị H1 bỏ về bên ngoại sinh sống, mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành phiên hòa giải và 02 lần mở phiên tòa nhưng chị H1 đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ chị H1 cũng không thiết tha, níu kéo hôn nhân; Theo xác minh của Tòa án và chính quyền địa phương cùng gia đình chị H1 công nhận thì đầu năm 2020 chị H1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vợ chồng sống ly thân. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh H được ly hôn chị H1 là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh H khai nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T sinh ngày 14/11/2015, cháu Nguyễn Mai N sinh ngày 22/02/2018, anh H xuất trình cho Tòa án bản sao trích lục khai sinh của 02 cháu có ghi họ tên

mẹ là chị Nguyễn Thị H1, họ tên bố là Nguyễn Hữu H; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Nguyễn Thị Quỳnh T sinh ngày 14/11/2015, cháu Nguyễn Mai N sinh ngày 22/02/2018 là con chung của anh H và chị H1. Hiện cháu Nguyễn Mai N đang ở với anh H, thấy rằng tuy cháu N chưa đủ 03 tuổi nhưng thời gian cháu ở với anh H nhiều hơn, hiện tại đã ổn định nơi ăn chốn ở, mặt khác chị H1 cũng không có ý kiến gì về việc nuôi cháu N, chị H1 thì xuyên đi làm, công việc bận nên cũng không có nhiều thời gian chăm sóc con nhỏ, tránh sự sáo trộn về tâm lý, nơi ăn chốn ở của cháu N, nên giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp, cháu T lâu nay đang ở với chị H1 giao cháu T cho chị H1 nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hai bên. Anh H, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của chị H1 đối với phần tài sản giữa anh H và chị H1 nếu có tài sản sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH1 vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Hữu H được ly hôn chị Nguyễn Thị H1

2. Về nuôi con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Thị Quỳnh T sinh ngày 14/11/2015 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Mai N sinh ngày 22/02/2018 cho anh Nguyễn Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh H, chị H1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005689 ngày 20/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh H, chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

